

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỦY NGUYÊN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 24/2018/DS-ST

Ngày: 17-7-2018

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦY NGUYÊN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Sự.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Doãn Văn Sáng

2. Ông Phạm Công Hạ.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đinh Thị Mến - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 105/2017/TLST-DS ngày 19 tháng 10 năm 2017 về Tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2018/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 4 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 43/2018/QĐST-DS ngày 11 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Công ty tài chính TNHH một thành viên Ngân hàng Việt Nam T; địa chỉ: Tầng 2 Tòa nhà Ree, số 9 đường Đoàn Văn B, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Trần Thị Thùy L; địa chỉ: 16A/119 T, phường Đ, quận H, thành phố Hải Phòng (Văn bản ủy quyền số 230/UQ-QTRR.17 ngày 12/6/2017 và số 14/UQTT-QTRR.17 ngày 22/3/2017 của Công ty tài chính TNHH một thành viên Ngân hàng Việt Nam T). Có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Ngọc A; địa chỉ: Thôn 5, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, các lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa nguyên đơn là Công ty tài chính TNHH một thành viên Ngân hàng Việt Nam T do người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 21 tháng 10 năm 2015, anh Nguyễn Ngọc A có ký với Công ty tài chính TNHH một thành viên Ngân hàng Việt Nam T (viết tắt là VPB FC) Hợp đồng tín dụng số 20151021-1330021-0013 với VPB FC để vay số tiền 51.879.545 đồng, thời hạn vay là 36 tháng, lãi suất vay 2.91%/tháng; mục đích vay là tiêu dùng tín chấp phương thức cho vay là trả góp gốc và lãi hàng tháng. Sau khi ký kết hợp đồng VPB FC đã thực hiện việc giải ngân đầy đủ số tiền nói trên cho anh Nguyễn Ngọc A, quá trình thực hiện Hợp đồng vay từ ngày giải ngân đến ngày 14 tháng 12 năm 2015 anh Nguyễn Ngọc A đã trả được 2.334.000 đồng (trong đó trả nợ gốc là 366.900 đồng, trả lãi là 1.967.100 đồng), từ ngày 14 tháng 12 năm 2015 anh Nguyễn Ngọc A không trả nợ cho VPB FC. Do anh Nguyễn Ngọc A không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hàng tháng như đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và tính đến ngày 01/11/2017 anh Nguyễn Ngọc A còn nợ VPB FC tổng số tiền là 74.123.224 đồng (trong đó nợ gốc là 51.512.645 đồng, nợ lãi là 22.610.579 đồng), vì vậy Công ty tài chính TNHH một thành viên Ngân hàng Việt Nam T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Ngọc A phải trả cho VPB FC toàn bộ số tiền gốc và lãi nói trên một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Anh Nguyễn Ngọc A phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất mà hai bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

Bị đơn là anh Nguyễn Ngọc A hiện đang sinh sống tại thôn 5, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ xác định đến nay anh Nguyễn Ngọc A vẫn thường xuyên sinh sống và làm việc bình thường tại địa chỉ nói trên chưa cắt khẩu, chuyển khẩu đi nơi khác, song anh Nguyễn Ngọc A cố tình trốn tránh không hợp tác nên Tòa án không thực hiện được việc tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho anh Nguyễn Ngọc A. Do đó Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng nói trên tại thôn 5, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng cho anh Nguyễn Ngọc A biết để thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật nhưng đến ngày mở phiên tòa anh Nguyễn Ngọc A vẫn không có mặt và không có ý kiến về yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật và về việc giải quyết vụ án như sau: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; bị đơn là anh Nguyễn Ngọc A chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147 và khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 275, 280, 357, 463, 466, 468 và

Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91 và 95 của Luật các Tổ chức tín dụng; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Công ty tài chính TNHH một thành viên Ngân hàng Việt Nam T, anh Nguyễn Ngọc A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Về tố tụng: Bị đơn là anh Nguyễn Ngọc A có nơi cư trú tại Thôn 5, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng hiện nay anh Nguyễn Ngọc A vẫn thường xuyên sinh sống tại địa chỉ nói trên. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo đúng quy định để anh Nguyễn Ngọc A có mặt tại Tòa án trình bày ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của Công ty tài chính TNHH một thành viên Ngân hàng Việt Nam T nhưng anh Nguyễn Ngọc A vẫn cố tình vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là anh Nguyễn Ngọc A.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Tranh chấp giữa Công ty tài chính TNHH một thành viên Ngân hàng Việt Nam T và anh Nguyễn Ngọc A là tranh chấp dân sự về hợp đồng tín dụng; bị đơn là anh Nguyễn Ngọc A có nơi cư trú tại Thôn 5, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng nên thuộc thẩm quyền giải quyết vụ án của Tòa án nhân dân huyện T, thành phố Hải Phòng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Nguyên đơn là Công ty tài chính TNHH một thành viên Ngân hàng Việt Nam T yêu cầu anh Nguyễn Ngọc A phải thanh toán trả toàn bộ số tiền nợ còn nợ là 74.123.224 đồng (trong đó nợ gốc là 51.512.645 đồng, nợ lãi là 22.610.579 đồng) tính đến hết ngày 01/11/2017. Bị đơn là anh Nguyễn Ngọc A đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng đến ngày mở phiên tòa lần thứ hai anh Nguyễn Ngọc A vẫn không có ý kiến trình bày quan điểm của mình đối với yêu cầu khởi kiện của VPB FC; Căn cứ vào Đơn đề nghị vay vốn kèm hợp đồng tín dụng số 20151021-1330021-0013 đã ký giữa VPB FC và anh Nguyễn Ngọc A, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được công bố tại phiên tòa đã đủ cơ sở để xác định anh Nguyễn Ngọc A đã vay của VPB FC số tiền là 51.879.545 đồng, thời hạn vay là 30 tháng, với mục đích vay tiêu dùng. Tính đến ngày 01/11/2017 anh Nguyễn Ngọc A còn nợ VPB FC tổng số tiền là 74.123.224 đồng, trong đó nợ gốc là 51.512.645 đồng, nợ lãi là 22.610.579 đồng. Xét hợp đồng tín dụng được ký kết giữa anh Nguyễn Ngọc A và người đại diện VPB FC là hợp đồng được giao kết trên

cơ sở hoàn toàn tự nguyện, nội dung và hình thức của hợp đồng không trái đạo đức xã hội, phù hợp quy định của pháp luật. Quá trình thực hiện hợp đồng VPB FC đã giải ngân đủ số tiền vay cho anh Nguyễn Ngọc A. Trong quá trình vay, tính đến ngày 14/12/2015 anh Nguyễn Ngọc A mới thanh toán trả cho VPB FC số tiền là 366.900 đồng tiền gốc và 1.967.100 đồng tiền lãi. Từ ngày 14 tháng 12 năm 2015 đến nay anh Nguyễn Ngọc A không trả cho VPB FC bất kỳ khoản tiền nợ gốc và nợ lãi nào. Như vậy, anh Nguyễn Ngọc A đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho VPB FC theo nội dung đã thỏa thuận như trong hợp đồng, cụ thể là không thực hiện nghĩa vụ thanh toán các khoản nợ gốc và nợ lãi đến hạn. Vì vậy, căn cứ Điều 275, 280, 357, 463, 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91, 95 của Luật các tổ chức tín dụng, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của VPB FC, buộc anh Nguyễn Ngọc A phải thanh toán trả toàn bộ số tiền 74.123.224 đồng (trong đó nợ gốc là 51.512.645 đồng, nợ lãi là 22.610.579 đồng) tính đến hết ngày 01/11/2017 và tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất mà hai bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng, anh Nguyễn Ngọc A phải thanh toán trả số tiền còn nợ một lần ngay khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

[4] Về án phí sơ thẩm:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn là ông Nguyễn Ngọc A phải nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại VPB FC số tiền tạm ứng án phí 1.800.000 đồng (Một triệu tám trăm nghìn đồng) đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T, thành phố Hải Phòng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147 và khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 275, 280, 357, 463, 466, 468 và Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91 và 95 của Luật các Tổ chức tín dụng; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Xử;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty tài chính TNHH một thành viên Ngân hàng Việt Nam T buộc bị đơn anh Nguyễn Ngọc A phải thanh toán trả toàn bộ số tiền còn nợ là 74.123.224 đồng, trong đó nợ gốc là 51.512.645 đồng, nợ lãi là 22.610.579 đồng tính đến ngày 01/11/2017.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm anh Nguyễn Ngọc A còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc theo mức lãi suất mà hai bên đã thỏa thuận trong Giấy đề nghị vay vốn kèm hợp đồng tín dụng.

2. Về án phí: Anh Nguyễn Ngọc A phải nộp 3.706.000đ (Ba triệu bảy trăm linh sáu nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại Công ty tài chính TNHH một thành viên Ngân hàng Việt Nam T số tiền tạm ứng án phí 1.800.000 đồng (Tám trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005869 ngày 19/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, thành phố Hải Phòng.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án: Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thủy Nguyên;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Sự

Mẫu số 52 (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2017/NQ-HĐTP
ngày 13 tháng 01 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao)

TÒA ÁN NHÂN DÂN.....(1)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:(2)...../...../.....

Ngày:(3)-.....-.....

V/v tranh chấp(4).....

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN (5).....

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:(6)

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông (Bà).....

Thẩm phán: Ông (Bà)

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông (Bà).....

2. Ông (Bà).....

3. Ông (Bà).....

- Thư ký phiên tòa: Ông (Bà).....(7)

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân(8)..... *tham gia phiên tòa:*

Ông (Bà).....-Kiểm sát viên.

Trong các ngày..... tháng..... năm.....(9) tại

xét xử sơ thẩm công khai(10) vụ án thụ lý số:...../...../TLST-.....(11)

ngày..... tháng..... năm..... về tranh chấp.....(12)

theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:...../...../QĐXX-ST ngày.....

tháng..... năm..... giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:(13).....

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:(14)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:(15).....

2. Bị đơn: (16)

Người đại diện hợp pháp của bị đơn:(17)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:(18)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (có yêu cầu độc lập, tham gia tố tụng với bên nguyên đơn hoặc tham gia tố tụng với bên bị đơn):(19).....

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:(20)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:(21).....

4. Người làm chứng(22)

5. Người giám định:(23).....

6. Người phiên dịch: (24)

NỘI DUNG VỤ ÁN: (25)

.....
.....
.....

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN: (26)

[1]
[2]
[3]

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào.....(27)

(28):

..... (2
9)

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 52-DS:

Mẫu bản án sơ thẩm kèm theo bản hướng dẫn này được soạn thảo theo tinh thần quy định tại Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự. Mẫu bản án sơ thẩm kèm theo hướng dẫn này được sử dụng cho tất cả các Tòa án khi xét xử sơ thẩm các tranh chấp về dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động.

Sau đây là những hướng dẫn cụ thể về việc sử dụng mẫu bản án sơ thẩm kèm theo:

(1) Nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì ghi rõ tên Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam).

(2) Ô thứ nhất ghi số bản án, ô thứ hai ghi năm ra bản án, ô thứ ba ghi ký hiệu loại bản án (ví dụ: Nếu là bản án giải quyết tranh chấp về dân sự năm 2017 có số 100 thì ghi: “Số:100/2017/DS-ST”; nếu là bản án giải quyết tranh chấp về hôn nhân và gia đình năm 2017 có số 108 thì ghi: “Số:108/2017/HNGĐ-ST”; nếu là bản án giải quyết tranh chấp về kinh doanh, thương mại năm 2017 có số 110 thì ghi: “Số:110/2017/KDTM-ST”; nếu là bản án giải quyết tranh chấp về lao động năm 2017 có số 115 thì ghi: “Số:115/2017/LĐ-ST”).

(3) Ghi ngày, tháng, năm tuyên án không phân biệt vụ án được xét xử sơ thẩm và kết thúc trong một ngày hay được xét xử sơ thẩm trong nhiều ngày.

(4) Ghi quan hệ tranh chấp mà Tòa án giải quyết: Cần xác định tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết được quy định tại Điều, khoản nào của Bộ luật tố tụng dân sự, để ghi vào phần trích yếu của bản án (ví dụ: Tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết là tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân được quy định tại khoản 1 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự thì ghi: “tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân”).

(5) Ghi như hướng dẫn tại điểm (1).

(6) Nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm ba người, thì chỉ ghi họ tên của Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, bỏ dòng “Thẩm phán...”, đối với Hội thẩm nhân dân chỉ ghi họ tên của hai Hội thẩm nhân dân; nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có năm người, thì ghi họ tên của Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, họ tên của Thẩm phán, họ tên của cả ba Hội thẩm nhân dân. Cần chú ý là không ghi chức vụ của Thẩm phán; chức vụ, nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân.

(7) Ghi họ tên của Thư ký phiên tòa và ghi rõ là Thư ký Tòa án hoặc Thẩm tra viên của Tòa án nào như hướng dẫn tại điểm (1).

(8) Nếu có Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa thì ghi như hướng dẫn tại điểm (1) song đổi các chữ “Tòa án nhân dân” thành “Viện kiểm sát nhân dân”.

(9) Trường hợp vụ án được xét xử và kết thúc trong một ngày thì bỏ hai chữ “Trong các” (ví dụ: Ngày 15 tháng 7 năm 2017). Trường hợp vụ án được xét xử trong hai ngày thì ghi “Trong các ngày” (ví dụ: Trong các ngày 02, 03 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà liên nhau thì ghi: “Từ ngày đến ngày” (ví dụ: Từ ngày 06 đến ngày 10 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà không liên nhau thì ghi trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 07, 08 và ngày 15 tháng 3 năm 2017); nếu khác tháng mà liên nhau thì ghi từ ngày... tháng... đến ngày... tháng... (ví dụ: Từ ngày 31 tháng 05 đến ngày 02 tháng 6 năm 2017); nếu không liên nhau thì ghi các ngày của từng tháng (Ví dụ: Trong các ngày 30, 31 tháng 3 và các ngày 04, 05 tháng 4 năm 2017).

(10) Nếu xét xử kín thì thay cụm từ “công khai” bằng từ “kín”.

(11) Ô thứ nhất ghi số thụ lý, ô thứ hai ghi năm thụ lý và ô thứ ba nếu là tranh chấp về dân sự thì ghi “DS”; nếu là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thì ghi “HNGĐ”; nếu là tranh chấp về kinh doanh, thương mại thì ghi “KDTM”; nếu là tranh chấp về lao động thì ghi “LĐ” (ví dụ: số 18/2017/TLST-HNGĐ).

(12) Ghi như hướng dẫn tại điểm (4).

(13) Nguyên đơn là cá nhân thì ghi họ tên, địa chỉ cư trú (nếu là người chưa thành niên thì sau họ tên ghi ngày, tháng, năm sinh và họ tên người đại diện hợp pháp của người chưa thành niên).

Nguyên đơn là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức và địa chỉ của cơ quan, tổ chức đó.

(14) Chỉ ghi khi có người đại diện hợp pháp của nguyên đơn và ghi họ tên, địa chỉ cư trú; ghi rõ là người đại diện theo pháp luật hay là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn; nếu là người đại diện theo pháp luật thì cần ghi chú trong ngoặc đơn quan hệ giữa người đó với nguyên đơn; nếu là người đại diện theo uỷ quyền thì cần ghi chú trong ngoặc đơn: “văn bản uỷ quyền ngày... tháng... năm...”.

Ví dụ 1: Ông Nguyễn Văn A trú tại... là người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn (Giám đốc Công ty TNHH Thắng Lợi).

Ví dụ 2: Bà Lê Thị B trú tại... là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn (Văn bản uỷ quyền ngày... tháng... năm...).

(15) Chỉ ghi khi có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Ghi họ tên, địa chỉ cư trú (nếu là Luật sư thì ghi là Luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào); nếu có nhiều nguyên đơn thì ghi cụ thể bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn nào.

(16) và (19) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (13).

(17) và (20) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (14).

(18) và (21) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (15).

(22) Ghi họ tên, địa chỉ cư trú (nếu là người chưa thành niên thì sau họ tên ghi ngày, tháng, năm sinh và họ tên người đại diện hợp pháp của người chưa thành niên).

(23) Ghi họ tên, chức danh, địa chỉ nơi làm việc (nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ cư trú).

(24) Ghi họ tên, địa chỉ nơi làm việc (nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ cư trú).

(25) Trong phần này ghi rõ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, của cơ quan, tổ chức, cá nhân; yêu cầu phân tố, đề nghị của bị đơn; yêu cầu độc lập, đề nghị của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; ý kiến của Viện kiểm sát; ghi ngắn gọn, đầy đủ các tài liệu, chứng cứ, tình tiết của vụ án; ghi rõ các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh, các tình tiết mà các bên đã thống nhất, không thống nhất; đối với các tình tiết của vụ án mà các bên không thống nhất thì phải ghi rõ lý lẽ, lập luận của từng bên đương sự.

(26) Ghi nhận định của Tòa án về những vấn đề cần phải giải quyết trong vụ án (về áp dụng pháp luật tố tụng và pháp luật nội dung). Tòa án phải căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa để phân tích, đánh giá, nhận định đầy đủ, khách quan về chứng cứ và những tình tiết của vụ án; phân tích, viện dẫn những căn cứ pháp luật, án lệ (nếu có) để chấp nhận hoặc không chấp nhận yêu cầu, đề nghị của đương sự; yêu cầu, đề nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân khởi kiện để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khác (nếu có); yêu cầu, đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát (nếu có); giải quyết các vấn đề khác có liên quan. Nếu vụ án thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 4 của Bộ luật tố tụng dân sự thì tùy từng trường hợp mà

Tòa án phân tích, lập luận về việc áp dụng tập quán, tương tự pháp luật, nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự, án lệ hoặc lệ công bằng.

Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].

(27) Tùy từng trường hợp mà ghi rõ các căn cứ pháp luật để ra quyết định.

(28) Ghi các quyết định của Tòa án về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án, về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo đối với bản án; trường hợp có quyết định phải thi hành ngay thì phải ghi rõ quyết định đó. Đối với trường hợp xét xử sơ thẩm lại vụ án mà bản án, quyết định đã bị hủy một phần hoặc toàn bộ theo quyết định giám đốc thẩm, tái thẩm thì ghi vấn đề tài sản, nghĩa vụ đã được thi hành (nếu có) theo bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật nhưng bị hủy; trường hợp có quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 482 của Bộ luật tố tụng dân sự thì phải ghi rõ nội dung về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án.

(29) Phần cuối cùng của bản án, đối với bản án được thông qua tại phòng nghị án thì phải có đầy đủ chữ ký, ghi rõ họ tên của các thành viên Hội đồng xét xử và đóng dấu (bản án này phải lưu vào hồ sơ vụ án); đối với bản án để gửi cho các đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân khởi kiện và Viện kiểm sát thì ghi như sau:

Nơi nhận:

Ghi những nơi mà Tòa án cấp sơ thẩm phải giao hoặc gửi bản án theo quy định tại Điều 269 của Bộ luật tố tụng dân sự và những nơi cần lưu bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)